

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SDP VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SDP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SDP TRADING SERVICER AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SDP ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107635468

3. Ngày thành lập: 16/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 04A, quốc lộ 1A, phố Ga, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983.110.678

Fax:

Email: congtycophansdp@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
2.	Chuẩn bị mặt bằng Gồm có: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, - Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; - Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng; - Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;	4312
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
4.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
5.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
6.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710
8.	Trồng cây hàng năm khác	0119
9.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
10.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Chăn nuôi gia cầm	0146
14.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chăn nuôi khác	0149
17.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
20.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
22.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
23.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
24.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Gồm có: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Gồm có: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
28.	Chăn nuôi lợn	0145
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
34.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Gồm có: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế kết cấu công trình; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước; thiết kế lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí trong công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng;	7110
36.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
37.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210(Chính)
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
39.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
40.	Xây dựng công trình công ích	4220
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
43.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Gồm có: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sử vệ sinh khác; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán buôn búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
46.	Xây dựng nhà các loại	4100
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Gồm có: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng;	4390
52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
54.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp đường, các cơ sở hạ tầng công).	4290
59.	Bán buôn gạo	4631
60.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
61.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TẠ HẢI YẾN	Đội 1, thôn Tranh Khúc, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	25,000	012633619	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	25,000		
2	NGUYỄN MINH THUẬT	Cụm 2, thôn Duyên Trường, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	111461380	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		
3	LÊ THỊ THÚY VÂN	T67 K8, Phường Cao Thắng, Thành phố Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	100729096	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		
4	NGUYỄN MẠNH QUỲNH	Xóm 4, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	112078265	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		
5	ĐINH MẠNH HÙNG	Số 04A, quốc lộ 1A, phố Ga, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	216.000	2.160.000.000	45,000	0010780113 57	
			Tổng số	216.000	2.160.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 11/06/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001078011357

Ngày cấp: 16/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Chỗ ở hiện tại: Số 04A, quốc lộ 1A, phố Ga, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội